

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường để thực hiện các nhiệm vụ, dự án được bàn giao từ nguồn thu tiền sử dụng đất (đến hết ngày 30/6/2025) điều tiết ngân sách cấp huyện (trước sắp xếp) đã chuyển về ngân sách tỉnh quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 611/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách

địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; số 612/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 về phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; số 631/NQ-HĐND ngày 09/04/2025 về việc giao, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp tỉnh năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy; số 655/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; số 656/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 5107/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; số 1175/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 về việc giao, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp tỉnh năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy; số 2211/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; số 3111/QĐ-UBND ngày 20/9/2025; số 3574/QĐ-UBND ngày 15/11/2025; số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1); số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 và số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 13650/TTr-STC ngày 16/12/2025 về việc đề nghị giao lại dự toán cho các xã, phường để thực hiện các dự án, nhiệm vụ bàn giao cho ngân sách cấp xã từ nguồn thu tiền sử dụng đất đã điều tiết ngân sách cấp huyện (trước sắp xếp) đến hết ngày 30/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường để thực hiện các nhiệm vụ, dự án được bàn giao từ nguồn thu tiền sử dụng đất (đến hết ngày 30/6/2025) điều tiết ngân sách cấp huyện (trước sắp xếp) đã chuyển về ngân sách tỉnh quản lý, với các nội dung chính như sau:

1. Kinh phí: 3.865.459.000.000 đồng (*Ba nghìn tám trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu đồng*).

2. Nguồn kinh phí: Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách cấp huyện (trước sắp xếp) đến hết ngày 30/06/2025 đã chuyển về ngân sách cấp tỉnh tại Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các đơn vị liên quan, căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường để tổ chức thực hiện. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

3. UBND các xã, phường có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn được bổ sung có mục tiêu đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác của số liệu và các quyết định của mình theo quy định.

4. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành mình; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện thuận lợi để các chủ đầu tư thực hiện dự án, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã, phường; Trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (TĐN101152).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục
Tổng hợp kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí	Ghi chú
	Tổng cộng	3.865.459	
1	Phường Hạc Thành	218.695	
2	Phường Quảng Phú	93.831	
3	Phường Đông Quang	94.044	
4	Phường Hàm Rồng	64.954	
5	Phường Nguyệt Viên	64.791	
6	Phường Đông Sơn	110.138	
7	Phường Đông Tiến	56.321	
8	Phường Sầm Sơn	269.890	
9	Phường Nam Sầm Sơn	55.695	
10	Phường Bím Sơn	10.287	
11	Phường Quang Trung	11.456	
12	Phường Ngọc Sơn	25.383	
13	Phường Tân Dân	30.800	
14	Phường Hải Lĩnh	7.209	
15	Phường Tĩnh Gia	53.037	
16	Phường Đào Duy Từ	54.936	
17	Phường Hải Bình	19.874	
18	Phường Trúc Lâm	15.635	
19	Xã Các Sơn	4.600	
20	Xã Trường Lâm	18.538	
21	Xã Hà Trung	4.949	
22	Xã Lĩnh Toại	1.609	
23	Xã Hoạt Giang	1.439	
24	Xã Hà Long	6.241	

TT	Đơn vị	Kinh phí	Ghi chú
25	Xã Tổng Sơn	562	
26	Xã Nga Sơn	10.350	
27	Xã Hồ Vương	1.790	
28	Xã Ba Đình	2.050	
29	Xã Nga An	289	
30	Xã Nga Thắng	250	
31	Xã Tân Tiến	95	
32	Xã Hậu Lộc	76.558	
33	Xã Triệu Lộc	7.696	
34	Xã Đông Thành	33.665	
35	Xã Hoa Lộc	77.420	
36	Xã Vạn Lộc	27.217	
37	Xã Hoằng Hóa	124.259	
38	Xã Hoằng Lộc	53.946	
39	Xã Hoằng Thanh	42.071	
40	Xã Hoằng Sơn	36.426	
41	Xã Hoằng Châu	25.997	
42	Xã Hoằng Giang	44.366	
43	Xã Hoằng Tiến	154.864	
44	Xã Hoằng Phú	26.618	
45	Xã Lưu Vệ	43.991	
46	Xã Quảng Ninh	15.627	
47	Xã Quảng Bình	29.552	
48	Xã Quảng Chính	12.715	
49	Xã Quảng Ngọc	19.181	
50	Xã Tiên Trang	12.599	
51	Xã Quảng Yên	13.750	
52	Xã Nông Cống	70.706	
53	Xã Thăng Bình	16.372	

TT	Đơn vị	Kinh phí	Ghi chú
54	Xã Thắng Lợi	21.796	
55	Xã Tượng Lĩnh	6.621	
56	Xã Trường Văn	20.606	
57	Xã Trung Chính	22.859	
58	Xã Công Chính	3.018	
59	Xã Triệu Sơn	18.781	
60	Xã Tân Ninh	24.871	
61	Xã An Nông	11.899	
62	Xã Đồng Tiến	6.460	
63	Xã Hợp Tiến	10.816	
64	Xã Thọ Bình	10.000	
65	Xã Thọ Ngọc	5.700	
66	Xã Thọ Phú	7.500	
67	Xã Thọ Xuân	89.326	
68	Xã Sao Vàng	43.062	
69	Xã Lam Sơn	29.569	
70	Xã Thọ Long	97.746	
71	Xã Thọ Lập	62.133	
72	Xã Xuân Tín	70.351	
73	Xã Xuân Lập	342.558	
74	Xã Xuân Hòa	47.133	
75	Xã Yên Định	71.058	
76	Xã Yên Trường	7.650	
77	Xã Yên Phú	21.474	
78	Xã Quý Lộc	14.003	
79	Xã Yên Ninh	11.609	
80	Xã Định Hòa	12.023	
81	Xã Định Tân	10.047	
82	Xã Thiệu Hóa	126.622	

TT	Đơn vị	Kinh phí	Ghi chú
83	Xã Thiệu Trung	110.870	
84	Xã Thiệu Quang	29.474	
85	Xã Thiệu Tiến	32.376	
86	Xã Thiệu Toán	39.056	
87	Xã Vĩnh Lộc	15.205	
88	Xã Tây Đô	1.297	
89	Xã Biện Thượng	9.372	
90	Xã Kim Tân	12.488	
91	Xã Vân Du	1.000	
92	Xã Thạch Bình	3.300	
93	Xã Thành Vinh	3.500	
94	Xã Cẩm Thủy	34.805	
95	Xã Cẩm Thạch	1.300	
96	Xã Cẩm Tân	409	
97	Xã Cẩm Vân	6.746	
98	Xã Cẩm Tú	4.343	
99	Xã Như Thanh	13.330	
100	Xã Mậu Lâm	1.310	
101	Xã Thanh Kỳ	1.052	
102	Xã Yên Thọ	980	
103	Xã Bá Thước	1.491	
104	Xã Thiết Ống	239	
105	Xã Văn Nho	577	
106	Xã Cổ Lũng	430	
107	Xã Điền Lư	75	
108	Xã Quý Lương	2.602	
109	Xã Thường Xuân	13.859	
110	Xã Luận Thành	2.341	
111	Xã Xuân Chinh	1.500	

TT	Đơn vị	Kinh phí	Ghi chú
112	Xã Thắng Lộc	1.786	
113	Xã Vạn Xuân	876	
114	Xã Bát Mọt	2.006	
115	Xã Lương Sơn	2.903	
116	Xã Như Xuân	1.395	
117	Xã Thanh Phong	50	
118	Xã Hóa Quỳ	2.499	
119	Xã Thanh Quân	5.239	
120	Xã Thượng Ninh	753	